

Số: 95 /2008/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 15 tháng 2 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng xã - phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về thành lập Thanh tra Xây dựng huyện Nhà Bè và Thanh tra Xây dựng các xã, thị trấn thuộc huyện Nhà Bè;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Xây dựng huyện và Trưởng phòng Nội vụ huyện Nhà Bè,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 01/02/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện Nhà Bè, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi ~~thực~~ **THỰC** SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
-Sở Tư pháp TP; quyền số SCT/BS
-Phòng Tư pháp huyện;
-Nhu điều 3; 03 -06- 2013
-Lưu VT, P.NV.H



Quyền Xuân Bình

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



VÕ MINH THÀNH

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn
(ban hành kèm theo Quyết định số 95 /2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2008
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

1. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và công tác của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Xây dựng huyện. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có địa điểm làm việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn bố trí, được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật, được sử dụng con dấu và tài khoản của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để hoạt động.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

1. Chủ trì, phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã, thị trấn trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, thị trấn;

2. Tiếp nhận và xác nhận việc chủ đầu tư xây dựng công trình nộp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại các điểm a, b, khoản 2 Điều 7 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Thanh tra, kiểm tra các chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát hiện và kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật như: xây dựng không phép; xây dựng sai giấy phép; xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ của công trình hạ tầng kỹ thuật, hành lang trên bờ sông, kênh, rạch (theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố) và các công trình khác theo quy định của pháp luật; lấn chiếm vỉa hè, đường phố; coi nới, lấn chiếm không

gian; vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về quản lý, sử dụng đất đai và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động xây dựng;

4. Lập biên bản vi phạm pháp luật về xây dựng (có yêu cầu chủ đầu tư xây dựng công trình ngừng thi công xây dựng công trình và tháo dỡ ngay đối với công trình vi phạm); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm theo trình tự quy định tại các Điều 9 và 10 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ xử lý vụ vi phạm phải được gửi về Thanh tra Xây dựng huyện để báo cáo và lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;

5. Thông báo công khai hàng ngày trên đài truyền thanh xã, thị trấn và các phương tiện thông tin đại chúng về tất cả các trường hợp vi phạm liên quan đến xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý và hình thức xử lý;

6. Tổng hợp tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Thanh tra Xây dựng huyện;

7. Thông báo đến cơ quan, đơn vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật về xây dựng, về nhà ở, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường tại địa phương trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở;

8. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và pháp luật về việc không phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai và bảo vệ môi trường trên địa bàn;

9. Thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về:

a) Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định;

b) Trong việc áp dụng các hình thức phạt bổ sung của quyết định xử lý vi phạm hành chính: tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc công dân; buộc tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần công trình xây dựng vi phạm, công trình xây dựng không giấy phép;

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giao.

Chương II **TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, CÔNG CHỨC**

Điều 3. Tổ chức của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phụ trách, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Thanh tra

Xây dựng huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.

Điều 4. Biên chế của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

1. Thanh tra xây dựng xã, thị trấn thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của huyện, có từ 03 đến 04 Thanh tra viên.

2. Căn cứ quy mô, đặc điểm và nhu cầu quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định cụ thể biên chế của Thanh tra xây dựng các xã, thị trấn trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

3. Trong những đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thể bố trí lực lượng công tác viên thanh tra xây dựng xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu công tác.

Điều 5. Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn chưa được bổ nhiệm Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng, phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng quận – huyện và phường – xã, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC – CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn hoạt động theo giờ hành chính. Ngoài ra, bố trí Thanh tra viên, công chức, công tác viên trực ngoài giờ hành chính, ngày lễ, ngày tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Từng thành viên của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc, đồng thời phải đeo thẻ Thanh tra viên hoặc thẻ công chức khi thi hành nhiệm vụ; phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

Điều 7. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn hàng tuần tổ chức họp để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác tuần qua, đề ra và phân công công tác cho tuần tới, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan, các biện pháp thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Thanh tra Xây dựng huyện cho phù hợp với tình hình mới phát sinh tại địa phương;

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có thể họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

2. Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn báo cáo công tác và thống kê tình hình tổ chức thực hiện các quyết định hành chính liên quan cho Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Thanh tra Xây dựng huyện.

Điều 8. Chế độ chính sách

1. Thanh tra viên và các chức danh khác được hưởng chế độ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,6 tiền lương tối thiểu.

Thanh tra viên Xây dựng được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 202/2005/QĐ-TTg ngày 09/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ trách phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Thanh tra viên.

2. Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phụ trách thanh tra xây dựng ngoài việc hưởng lương và phụ cấp theo chức vụ còn được hưởng phụ cấp như Phó Chánh Thanh tra huyện.

3. Thanh tra viên và các chức danh khác khi thi hành công vụ được pháp luật bảo vệ, được khen thưởng và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra viên xây dựng và những người được cấp có thẩm quyền điều động làm công tác cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm pháp luật về xây dựng được hưởng 10% lương tối thiểu cho mỗi ngày tham gia.

Chương IV KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Nguồn kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn do Ngân sách xã, thị trấn cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tỷ lệ trích và các khoản chi từ nguồn thu phạt

Đề lại 100% các khoản thu phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường cho ngân sách huyện để chi cho hoạt động chuyên môn, làm ngoài giờ hành chính, làm ngày lễ, ngày tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn; mua bổ sung phương tiện, thiết bị kỹ thuật và trích thưởng cho Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật.

Chương V
QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI
BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH,
TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH,
TRÌNH TỰ CƯỖNG CHÉ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH

Mục 1
QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI
BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 11. Quyền đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các quyền sau:

1. Được cấp phép xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật;
2. Được xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo đúng giấy phép đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan);
3. Từ chối những yêu cầu trái pháp luật của Thanh tra viên xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp phép xây dựng và xây dựng công trình;
4. Khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thanh tra xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan;
5. Những quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các nghĩa vụ:

1. Thông báo bằng văn bản và nộp cho Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn bản sao giấy phép xây dựng và các giấy tờ khác liên quan có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong thời hạn bảy ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 68 của Luật Xây dựng;
2. Trường hợp công trình xây dựng không phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Xây dựng và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản và nộp bản sao các giấy tờ khác liên quan (nếu có và trừ trường hợp công trình bí mật Nhà nước) có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP nêu trên cho Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trong thời hạn bảy ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 68 của Luật Xây dựng;

3. Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; không gây ô nhiễm môi trường trong khu vực lân cận; không gây tiếng ồn trong thi công sau 23 giờ đêm hôm trước đến 05 giờ sáng hôm sau tại khu dân cư; không để vật tư, nguyên liệu và thiết bị thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường;

4. Chi trả mọi chi phí cho việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm;

5. Thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các quy định ghi trong giấy phép xây dựng và các quy định khác của pháp luật liên quan;

2. Tự tháo dỡ một phần hoặc toàn bộ công trình xây dựng vi phạm ngay sau khi thanh tra xây dựng lập biên bản ngừng thi công;

3. Trường hợp không tự phá dỡ bộ phận công trình, công trình vi phạm thì sẽ bị cưỡng chế phá dỡ;

4. Những trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Những hành vi bị cấm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình không được thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 10 của Luật Xây dựng và khoản 5 Điều 8 của Luật Nhà ở;

2. Những hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 15. Trình tự đình chỉ thi công xây dựng công trình

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, Thanh tra viên xây dựng xã, thị trấn phải lập biên bản, yêu cầu chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng và tự phá dỡ bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 24 giờ từ khi lập biên bản (kể cả ngày lễ, ngày tết, ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác), nếu chủ đầu tư không ngừng thi công xây dựng và không tự phá dỡ bộ phận công trình vi phạm thì người lập biên bản phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị cấp điện, nước phải dừng ngay việc cấp điện, nước đối với công trình xây dựng vi phạm.

4. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính và đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo Trưởng Công an xã, thị trấn tổ chức cấm vận chuyển vật tư, vật liệu và công nhân vào thi công xây dựng công trình vi phạm.

5. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng công trình vắng mặt tại công trường thì các đơn vị cấp điện, nước, Công an xã, thị trấn vẫn ngừng cấp điện, nước và thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

Mục 3

TRÌNH TỰ CƯỠNG CHẾ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH

Điều 16. Trình tự cưỡng chế phá dỡ công trình

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện ngay quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm, đồng thời phải tự phá dỡ các bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, nếu chủ đầu tư không tự phá dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm hoặc vắng mặt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định cưỡng chế phá dỡ bộ phận công trình vi phạm và tổ chức phá dỡ.

3. Đối với các công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng, sau khi ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Thanh tra Xây dựng huyện.

4. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

5. Trường hợp đã có quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình nhưng chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát và các tổ chức, cá nhân khác vẫn tiếp tục thi công xây dựng công trình thì người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm có trách nhiệm lập hồ sơ để chuyển sang cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, THỊ TRẤN, THANH TRA VIỆN XÂY DỰNG XÃ THỊ TRẤN

Điều 17. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có thẩm quyền:

1. Quyết định đình chỉ thi công đối với tất cả các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn;

2. Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 18. Thẩm quyền của Thanh tra viên xây dựng xã, thị trấn

Thanh tra viên xây dựng xã, thị trấn đang thi hành công vụ được xử phạt theo thẩm quyền qui định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương VII NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Những hành vi bị cấm

Thanh tra viên và những cán bộ, công chức liên quan ngoài việc phải tuân theo những hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức còn bị cấm những hành vi sau:

1. Cấp phép xây dựng không đúng quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình khi đến xin phép xây dựng;

2. Áp dụng hình thức phạt tiền cho tồn tại bộ phận công trình, công trình vi phạm;

3. Dung túng, bao che, không xử lý kịp thời các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

4. Nhận tiền, hiện vật hoặc đi ăn, uống và các hoạt động khác theo lời mời của chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu xây dựng;

5. Sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu trong thi công xây dựng công trình khi đã có đủ các hồ sơ, thủ tục, giấy phép và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật;

6. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Thanh tra viên và các cán bộ, công chức liên quan vi phạm những hành vi bị cấm quy định tại Điều 19 Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

2. Thanh tra viên không phát hiện kịp thời các công trình vi phạm, không lập biên bản đình chỉ vi phạm kịp thời, không trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định xử lý vi phạm hành chính và đình chỉ thi công xây dựng, cưỡng chế công trình vi phạm theo thời hạn và trình tự quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn không ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế phá dỡ theo thời hạn và trình tự quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIÊN HIỆU, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG VỆ, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁC NGẠCH THANH TRA VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 21. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của thanh tra xây dựng

Mẫu văn bản, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của Thanh tra xây dựng xã, thị trấn thực hiện theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 22. Tiêu chuẩn và thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc tuyển dụng công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn sau khi có kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển của Sở Nội vụ tổ chức.

2. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức việc thi tuyển công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn theo chỉ tiêu đăng ký của huyện và quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xã, thị trấn theo quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên ngành Xây dựng quận - huyện và xã phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IX

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 23. Quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra Xây dựng huyện:

Thanh tra xây dựng xã, thị trấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện mối quan hệ phối hợp với Thanh tra Xây dựng huyện trong việc cưỡng chế thi hành quyết định buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn xã, thị trấn;

Thanh tra xây dựng xã, thị trấn được sự hướng dẫn nghiệp vụ và tập huấn của Thanh tra Xây dựng huyện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Thanh tra xây dựng xã, thị trấn chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Thanh tra xây dựng xã, thị trấn trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Công an xã, thị trấn:

Công an xã, thị trấn hỗ trợ thi hành Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm pháp luật trên địa bàn.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ngành khác thuộc xã, thị trấn:

Thanh tra xây dựng xã, thị trấn có mọi quan hệ phối hợp và hỗ trợ công tác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định;

Khi các tổ chức nêu trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan, Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giải quyết.

5. Đối với công chức phụ trách địa chính - xây dựng xã, thị trấn:

Công chức chuyên môn có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu quy định về xây dựng, quy hoạch, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn nhằm tạo điều kiện giúp Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện Quy chế

1. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và cán bộ, công chức có liên quan ở xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đề nghị, có sự tham khảo với Thanh tra Xây dựng huyện, Phòng Nội vụ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

3. Ủy ban nhân dân huyện giao Trưởng phòng Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



